

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 01 - 2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Thanh Liêm

2/ Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 344/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1866/2022/QĐXX –HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1974/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Trần Hữu T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm G, thôn N, xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N trình bày: chị và anh Trần Hữu T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào tháng 10/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị ở thôn P, xã T, huyện T, cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu lo làm ăn và có tính ăn cắp vặt. Mỗi lần chị góp ý thì anh T đánh đập. Đầu năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, anh T bỏ về

nhà cha mẹ ruột ở xã H, thị xã An Nhơn sinh sống và vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Chị và anh T sống ly thân đã nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 người con Trần Thanh V, sinh ngày 30/9/2013, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vân và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Hữu T* đã được Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Trần Hữu T không đến Tòa làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị cho chị Trần Thị Mỹ N được ly hôn anh Trần Hữu T; về con chung: giao cháu Trần Thanh V, sinh ngày 30/9/2013 cho chị Trần Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Mỹ N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét; về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị Mỹ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Hữu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mỹ N, anh Trần Hữu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã A vào ngày 16/10/2012, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T xảy ra mâu thuẫn và tự chấm dứt cuộc sống hôn nhân từ năm 2016 cho đến nay. Chị Trần Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn anh Trần Hữu T, vì mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Hữu T mặc dù đã được Tòa án tổng

đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Trần Hữu T không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Qua xác minh bà Nguyễn Thị Thơm (mẹ anh Trần Hữu T), có cơ sở xác định: Mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T đã thật sự trầm trọng, cả hai đã tự chấm dứt cuộc sống chung. Anh Trần Hữu T cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị Trần Thị Mỹ N. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ N là có căn cứ, phù hợp với thực tế mâu thuẫn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T có 01 người con là Trần Thanh V, sinh ngày 30/9/2013. Chị Trần Thị Mỹ N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy chị Trần Thị Mỹ N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh V kể từ khi chị Ngân, anh T chấm dứt cuộc sống chung. Cháu Trần Thanh V có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để ổn định tâm ý và tránh sự thay đổi môi trường sống của cháu Trần Thanh V, cần giao cháu Trần Thanh V cho chị Trần Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Mỹ N không yêu cầu anh Trần Hữu T cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ N được ly hôn anh Trần Hữu T.

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Trần Thanh V, sinh ngày 30/9/2013 cho chị Trần Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị Trần Thị Mỹ N không yêu cầu anh Trần Hữu T cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con

4. *Về quan hệ tài sản:* Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

5. *Án phí sơ thẩm:* Chị Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005393 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

6. *Quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Hữu T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Hậu;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng

